

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015  
(đã được soát xét)

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính riêng	04
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	05-44
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09-44

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

---

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 27 tháng 09 năm 2011.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Ủy viên	
Ông Nguyễn Khắc Kim	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Sĩ Hiền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Võ Anh Linh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Nguyễn Đức Lương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Đặng Đôn Triền	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2015
Bà Đặng Thị Thường	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Hà Quang Nhân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2015
Ông Võ Anh Linh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Đức Lương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 12/08/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Khắc Kim	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/08/2015
Ông Nguyễn Ngọc Thạch	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Thường	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thái Dũng	Thành viên
Ông Hà Quang Nhân	Thành viên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

---

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**Nguyễn Khắc Kim**  
Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2015*

Số: 1395/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính riêng kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

---

**Vũ Xuân Biễn**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2015*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>54.455.892.064</b>	<b>44.839.843.547</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>5.467.600.011</b>	<b>4.414.085.007</b>
111	1. Tiền		5.467.600.011	4.414.085.007
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>42.808.818.631</b>	<b>27.194.978.674</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	5.029.580.946	5.278.725.289
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.647.336.294	5.825.470.450
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	19.850.136.196	8.485.230.611
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.092.719.417	12.568.420.667
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.810.954.222)	(4.962.868.343)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>5.616.701.742</b>	<b>12.806.897.121</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.616.701.742	12.806.897.121
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>562.771.680</b>	<b>423.882.745</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	346.541.908	197.263.757
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		215.772.201	226.161.417
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	457.571	457.571
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>274.534.452.172</b>	<b>284.135.254.448</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.632.086.990</b>	<b>2.632.062.390</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.632.086.990	2.632.062.390
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>43.382.651.286</b>	<b>44.380.519.350</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	43.382.651.286	44.380.519.350
222	- Nguyên giá		62.062.669.427	62.062.669.427
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.680.018.141)	(17.682.150.077)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		282.160.000	282.160.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(282.160.000)	(282.160.000)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>78.211.133.092</b>	<b>78.256.046.183</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		75.902.112.441	75.902.112.441
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.309.020.651	2.353.933.742
<b>250</b>	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>150.003.528.300</b>	<b>158.155.949.332</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		89.524.950.722	88.342.945.722
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		68.870.000.000	75.527.688.166
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.745.000.000	20.745.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(29.136.422.422)	(26.459.684.556)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>305.052.504</b>	<b>710.677.193</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	305.052.504	710.677.193
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>328.990.344.236</b>	<b>328.975.097.995</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>143.613.839.615</b>	<b>150.224.147.278</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>69.844.864.932</b>	<b>76.302.766.865</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	6.220.320.874	6.301.277.916
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		939.051.086	4.397.293.993
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.204.997.086	873.091.552
314	4. Phải trả người lao động		1.900.165.153	3.656.347.478
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	268.939.661	1.643.875.256
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	215.239.819	16.501.211.431
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	33.737.916.481	27.798.174.467
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	23.356.128.200	14.881.088.200
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.106.572	250.406.572
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>73.768.974.683</b>	<b>73.921.380.413</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	56.579.521.883	55.745.031.414
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	17.189.452.800	18.176.348.999
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>185.376.504.621</b>	<b>178.750.950.717</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>184.601.853.627</b>	<b>178.727.470.474</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		131.034.260.000	131.034.260.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		131.034.260.000	131.034.260.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(1.682.000)	(1.682.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		44.904.163.807	44.904.163.807
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.665.111.820	2.790.728.667
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm trước		2.790.728.667	(41.390.874)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.874.383.153	2.832.119.541
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>21</b>	<b>774.650.994</b>	<b>23.480.243</b>
431	1. Nguồn kinh phí		765.125.691	180.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		9.525.303	23.300.243
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>328.990.344.236</b>	<b>328.975.097.995</b>

Phạm Thị Đà Giang  
Người lậpPhạm Thị Hiếu  
Kế toán trưởngNguyễn Khắc Kim  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	36.197.173.900	31.906.800.556
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	288.523.700	122.240.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.908.650.200	31.784.560.556
11	4. Giá vốn hàng bán	25	19.683.870.253	21.948.131.675
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.224.779.947	9.836.428.881
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	1.706.007.248	595.429.655
22	7. Chi phí tài chính	27	4.425.991.974	1.173.203.256
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		1.444.474.915	942.042.475
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	6.032.677.145	5.381.131.024
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.472.118.076	3.877.524.256
31	11. Thu nhập khác	29	58.018.590	937.529.656
32	12. Chi phí khác	30	407.866.598	913.557.189
40	13. Lợi nhuận khác		(349.848.008)	23.972.467
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.122.270.068	3.901.496.723
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	1.247.886.915	1.059.311.861
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<b>5.874.383.153</b>	<b>2.842.184.862</b>

Phạm Thị Đà Giang  
Người lậpPhạm Thị Hiếu  
Kế toán trưởngNguyễn Khắc Kim  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		16.266.415.095	36.485.830.303
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(7.431.077.596)	(8.398.582.111)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.837.471.800)	(2.697.801.300)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.270.824.133)	(96.228.654)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(27.705.930)	(213.318.223)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		59.183.257.800	64.918.547.571
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.347.423.797)	(78.736.366.812)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.535.169.639</b>	<b>11.262.080.774</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.583.004)	(127.065.177)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.443.806.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	2.598.203.933
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.182.005.000)	(10.056.778.815)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.353.863.859	230.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.261.320.173	425.833.333
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(8.014.209.972)</b>	<b>(6.929.806.726)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		21.620.472.300	650.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14.132.328.499)	(3.835.505.500)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>7.488.143.801</b>	<b>(3.185.505.500)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>1.009.103.468</b>	<b>1.146.768.548</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>4.414.085.007</b>	<b>5.720.640.886</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		44.411.536	96.017.728
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>5.467.600.011</b>	<b>6.963.427.162</b>

Phạm Thị Đà Giang  
Người lậpPhạm Thị Hiếu  
Kế toán trưởngNguyễn Khắc Kim  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2015

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101401706 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 27 tháng 09 năm 2011.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 131.034.260.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 131.034.260.000 đồng; tương đương 13.103.426 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh bất động sản; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp; Khai thác và chế biến khoáng sản; Xuất khẩu lao động; Đào tạo; Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết và một số hoạt động kinh doanh khác.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ tư vấn chuyên giao công nghệ;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp;
- Dạy nghề;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Kinh doanh bất động sản, kho bãi, kho ngoại quan, các hoạt động dịch vụ vận tải và logistics;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản (trừ loại nhà nước cấm);
- Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh các sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, các sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;

**Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân (không bao gồm nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động chứng khoán, nhận ủy thác đầu tư liên quan đến hoạt động của các tổ chức tín dụng, kinh doanh bảo hiểm);
- Mua bán và vận chuyển than;
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Tư vấn thiết kế trang Web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: Vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Dịch vụ tư vấn du học;
- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật và theo ủy quyền của Tổng Công ty Sông Đà);
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: Dịch vụ tư vấn bất động sản, Dịch vụ quảng cáo bất động sản, Dịch vụ quản lý bất động sản, Dịch vụ môi giới bất động sản, Dịch vụ định giá bất động sản;
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội, ngoại thất;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm).

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

## Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Quản lý dự án
Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ Kinh tế SIMCO Sông Đà	Hà Nội	Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng, dạy nghề
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà <sup>(1)</sup>	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng, vật tư, máy móc, thiết bị
Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Trung tâm du lịch <sup>(2)</sup>	Hà Nội	Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế

(1) Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà - Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà chấm dứt hoạt động kể từ ngày 01/08/2015 theo quyết định số 147/SIMCO-HĐQT ngày 13 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà.

(2) Trung tâm du lịch - Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà chấm dứt hoạt động kể từ ngày 20/06/2015 theo quyết định số 137/SIMCO-HĐQT ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Simco Sông Đà.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chi tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 38.

## **2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## **2.5 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào **Báo cáo tài chính riêng** của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## **2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình/việc chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức chi phí vượt mức bình thường, Hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

### 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.24 . Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### *Hợp đồng ủy thác đầu tư*

Các tài sản đầu tư và vốn ủy thác nhận được từ các cá nhân, tổ chức ủy thác đầu tư theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận và trình bày là các khoản phải thu và các khoản phải trả cho người ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán của Công ty.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.355.030.170	1.276.996.692
Tiền gửi ngân hàng	3.112.569.841	3.137.088.315
	<u><b>5.467.600.011</b></u>	<u><b>4.414.085.007</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Quận Kamayut, khu Yangon,	100,00%	100,00%	Khai thác khoáng sản

Đây là khoản đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 335/BKHĐT - ĐTRNN - ĐC2 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 02 tháng 3 năm 2015 cho phép Công ty Cổ phần Simco Sông Đà thành lập Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà tại Myanmar.

Tổng vốn đầu tư của dự án tại nước ngoài đồng thời là vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 18.147.000 USD, tương đương 381.087.000.000 VND. Trong đó Vốn đầu tư bằng nguồn tự có của nhà đầu tư là 6.000.000 USD tương đương 126 tỷ VND; Vốn đầu tư bằng nguồn vốn vay là 12.147.000 USD tương đương 225.087.000.000 VND. Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty đã đầu tư 89.524.950.722 VND, số còn phải đầu tư là 291.562.049.278 VND. Trong đó phần vốn góp của Công ty là 41.128.220.115 VND, phần vốn góp nhận ủy thác đầu tư là 48.407.281.933 VND.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Quyền kiểm soát (*)	Tỷ lệ vốn thực góp	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	27,48%	31,30%	31,30%	Đầu tư các công trình Thủy điện, nhiệt điện, xây dựng, tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	35,00%	35,83%	35,83%	Sản xuất, kinh doanh phần mềm tư vấn thiết kế trong lĩnh vực CNTT
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thủy Điển <sup>(1)</sup>	huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	42,80%	42,80%	42,80%	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN <sup>(2)</sup>	thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	45,00%	55,93%	55,93%	Khai thác và sản xuất các sản phẩm từ đá

(\*) Quyền kiểm soát được xác định trên cơ sở các cam kết trong hợp đồng góp vốn ban đầu.

(1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển với tổng giá trị là 23.970.000.000 VND, trong đó: vốn góp của Công ty là 18.220.000.000 VND tương đương 32,53%; vốn ủy thác của Cán bộ công nhân viên theo các hợp đồng ủy thác đầu tư là 5.750.000.000 VND tương đương 10,27%.

(2) Số liệu góp vốn trên chưa tính đến số tiền chi phí đầu tư khai thác mỏ chưa đủ điều kiện ghi nhận là vốn góp đang được Công ty ghi nhận là khoản phải thu khác với số tiền 9.182.195.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
		<u>2015</u>	<u>2014</u>
		VND	VND
<b>Góp vốn đầu tư</b>			
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	1.182.005.000	10.056.778.815
<b>Doanh thu</b>			
Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết	165.146.361	234.959.891
<b>Lãi cho vay vốn</b>			
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	315.748.000	-
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết	47.833.000	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận nhận được</b>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Công ty liên kết	780.000.000	-

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	Huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,825%	(*)	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn	Huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội	1,13%	1,13%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	Huyện Hải Hà, Tỉnh Quảng Ninh	(*)	(*)	Xây dựng nhà các loại
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	0,54%	0,54%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	Thành phố Hà Nội	2,00%	2,00%	Tài chính, ngân hàng

(\*) Các khoản góp vốn ủy thác đầu tư qua Tổng Công ty Sông Đà. Các khoản đầu tư đều đã được trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với tỷ lệ 100%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

		<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		<b>5.029.580.946</b>	<b>5.278.725.289</b>
- Cục Quản lý lao động nước ngoài		101.660.000	-
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà		818.372.689	737.688.043
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển		1.976.354.222	1.976.354.222
- Các khoản phải thu khách hàng khác		2.133.194.035	2.564.683.024
		<b><u>5.029.580.946</u></b>	<b><u>5.278.725.289</u></b>
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>			
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	Công ty liên kết	818.372.689	737.688.043
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.976.354.222	1.976.354.222
		<b><u>2.794.726.911</u></b>	<b><u>2.714.042.265</u></b>

**6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển (VNS) <sup>(1)</sup>	5.006.330.196	(280.000.000)	8.085.230.611	(3.358.900.415)
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN <sup>(2)</sup>	947.833.000	-	400.000.000	-
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà <sup>(3)</sup>	13.895.973.000	-	-	-
	<b><u>19.850.136.196</u></b>	<b><u>(280.000.000)</u></b>	<b><u>8.485.230.611</u></b>	<b><u>(3.358.900.415)</u></b>

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Bao gồm các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 03 tháng - 06 tháng, lãi suất 0%/năm. Tại ngày 30/06/2015, Hội đồng xử lý kiểm kê của Công ty đã phê duyệt phương án xóa nợ khoản phải thu lãi vay (đang hạch toán nhập gốc) với số tiền 3.078.900.415 đồng.

(2) Các khoản cho vay có thời hạn 06 tháng với lãi suất từ 12%/năm - 14%/năm.

(3) Các khoản cho vay căn cứ hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/SIMCO-MYSICO ngày 08/01/2015 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay tối đa: 20 tỷ đồng;

- Lãi suất: 1%/tháng;

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận được khoản vay đầu tiên;

- Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư Dự án khai thác và chế biến đá mở marble mỏ Nayputaung, bang Rakhine, Myanmar.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

*(Thuyết minh bảng ngang)*



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**8 . NỢ XẤU**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	6.982.684.418	5.006.330.196	10.061.584.833	5.599.236.463
<i>Phải thu cho vay (*)</i>	<i>5.006.330.196</i>	<i>5.006.330.196</i>	<i>8.085.230.611</i>	<i>5.006.330.196</i>
<i>Phải thu tiền hàng</i>	<i>1.976.354.222</i>	-	<i>1.976.354.222</i>	<i>592.906.267</i>
- Công ty Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Khánh Duy	-	-	151.569.733	-
- Các khoản khác	4.600.000	-	68.950.240	-
	<b>7.537.284.418</b>	<b>5.006.330.196</b>	<b>10.832.104.806</b>	<b>6.149.236.463</b>

(\*) Công ty cam kết thu hồi được toàn bộ tiền gốc cho vay đối với Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển sau khi thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty này.

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	34.344.922	-	35.288.303	-
Công cụ, dụng cụ	19.622.696	-	23.609.009	-
Chi phí SXKD dở dang	5.562.734.124	-	12.747.999.809	-
- Dự án Hà Tĩnh	4.964.507.774	-	7.258.734.128	-
- Dự án khác	598.226.350	-	5.489.265.681	-
	<b>5.616.701.742</b>	<b>-</b>	<b>12.806.897.121</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án tòa nhà Simco Tower	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441	75.902.112.441
	<b><u>75.902.112.441</u></b>	<b><u>75.902.112.441</u></b>	<b><u>75.902.112.441</u></b>	<b><u>75.902.112.441</u></b>

Dự án tòa nhà Simco Tower được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt chủ trương triển khai tại khu nhà hỗn hợp HH - Khu đô thị mới Cầu Bươu - Thanh Trì - Hà Nội có tổng mức vốn đầu tư là 351,78 tỷ căn cứ quyết định số 278 ngày 08/02/2011 với phương án thi công 12 tầng cao và 01 tầng hầm và có kết cấu móng nhà được tính cho công trình 21 tầng. Tại thời điểm 30/06/2015, giá trị dở dang là chi phí mua đất và các chi phí liên quan đến việc mua đất. Ngày 08/07/2015, Hội đồng quản trị Công ty ban hành quyết định số 146/SIMCO-HĐQT chấp thuận phương án triển khai dự án giai đoạn 1 có tổng chi phí tư vấn về việc điều chỉnh quy hoạch (dự kiến) là 1,5 tỷ đồng, thời gian thực hiện (dự kiến) là 07 tháng.

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dự án Phụng Hiệp	2.309.020.651	2.309.020.651
Dự án đầu tư xây dựng nhà máy khai thác Cát trắng (Silica)	-	44.913.091
	<b><u>2.309.020.651</u></b>	<b><u>2.353.933.742</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phân mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>190.500.000</b>	<b>91.660.000</b>	<b>282.160.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	190.500.000	91.660.000	282.160.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>190.500.000</b>	<b>91.660.000</b>	<b>282.160.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>346.541.908</b>	<b>197.263.757</b>
Chi phí thuê đất	127.727.568	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	77.331.643	41.609.284
Chi phí sửa chữa	52.989.522	51.389.409
Chi phí thuê nhà	86.000.000	90.500.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.493.175	13.765.064
<b>b) Dài hạn</b>	<b>305.052.504</b>	<b>710.677.193</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	275.365.004	655.239.693
Chi phí sửa chữa	29.687.500	55.437.500
	<b>651.594.412</b>	<b>907.940.950</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	11.309.600	17.062.900
- Chi phí dự án Vạn Phúc	257.630.061	400.677.542
<i>Chi phí thẩm tra quyết toán Vốn đầu tư</i>	<i>124.348.434</i>	<i>124.348.434</i>
<i>TKBV thi công đường dây &amp; trạm biến áp</i>	<i>32.162.824</i>	<i>32.162.824</i>
<i>Dự phòng phí Dự án Vạn Phúc</i>	<i>101.118.803</i>	<i>244.166.284</i>
- Thù lao HĐQT	-	288.000.000
- Chi phí xuất khẩu lao động	-	728.631.609
- Chi phí phải trả khác	-	209.503.205
	<b>268.939.661</b>	<b>1.643.875.256</b>

**17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Phí dịch vụ xuất khẩu lao động	-	16.313.855.612
- Phí dịch vụ đào tạo	215.239.819	187.355.819
	<b>215.239.819</b>	<b>16.501.211.431</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>33.737.916.481</b>	<b>27.798.174.467</b>
- Kinh phí công đoàn	444.884.415	400.115.030
- Bảo hiểm xã hội	2.491.923.636	1.206.316.377
- Bảo hiểm y tế	249.176.589	47.695.918
- Bảo hiểm thất nghiệp	109.707.603	21.535.683
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.455.000	10.455.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.034.235.140	17.034.235.140
- Phải trả lãi vay	323.032.082	143.628.000
- Tiền nhận đặt cọc hoàn thiện nhà dự án Vạn Phúc	740.000.000	775.000.000
- Phải trả hoạt động xuất khẩu lao động	10.846.440.027	6.909.829.637
- Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động	413.869.087	88.200.000
- Quỹ tự nguyện hỗ trợ CBCNV	98.972.701	112.913.327
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	975.220.201	1.048.250.355
<b>b) Dài hạn</b>	<b>56.579.521.883</b>	<b>55.745.031.414</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.422.239.950	2.780.305.807
- Phải trả tiền nhận góp vốn ủy thác đầu tư	54.157.281.933	52.964.725.607
<i>Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển</i>	<i>5.750.000.000</i>	<i>5.750.000.000</i>
<i>Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà</i>	<i>48.407.281.933</i>	<i>47.214.725.607</i>
	<b>90.317.438.364</b>	<b>83.543.205.881</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131.034.260.000	131.034.260.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>131.034.260.000</i>	<i>131.034.260.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>131.034.260.000</i>	<i>131.034.260.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	18.170.131.962
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	<i>18.170.131.962</i>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.103.426	13.103.426
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.103.426	13.103.426
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.103.426</i>	<i>13.103.426</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>168</i>	<i>168</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.103.258	13.103.258
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.103.258</i>	<i>13.103.258</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	44.904.163.807	44.904.163.807
	<b><u>44.904.163.807</u></b>	<b><u>44.904.163.807</u></b>

**21 . NGUỒN KINH PHÍ**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	180.000	(91.430.000)
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	910.000.000	1.143.610.000
Chi sự nghiệp	(145.054.309)	(759.319.717)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ</b>	<b><u>765.125.691</u></b>	<b><u>292.860.283</u></b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dollar Mỹ (USD)	1.212,21	1.937,15
- Yên Nhật (JPY)	9.272.808,00	4.151.988,00
	<b><u>3.294.820.388</u></b>	<b><u>-</u></b>

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	1.382.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.538.415.518	16.024.518.397
- <i>Dịch vụ xuất khẩu lao động</i>	29.804.708.909	12.894.641.131
- <i>Dịch vụ khác</i>	2.733.706.609	3.129.877.266
Doanh thu hợp đồng xây dựng	3.658.758.382	-
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	-	15.880.899.999
	<b>36.197.173.900</b>	<b>31.906.800.556</b>

**24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	288.523.700	122.240.000
	<b>288.523.700</b>	<b>122.240.000</b>

**25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.382.160
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.152.730.316	10.126.633.078
- <i>Dịch vụ xuất khẩu lao động</i>	14.646.280.697	8.811.390.768
- <i>Dịch vụ khác</i>	1.506.449.619	1.315.242.310
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.531.139.937	-
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	11.820.116.437
	<b>19.683.870.253</b>	<b>21.948.131.675</b>

**26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	881.595.712	493.490.894
Cổ tức, lợi nhuận được chia	780.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	5.921.033
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	44.411.536	96.017.728
	<b>1.706.007.248</b>	<b>595.429.655</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.444.474.915	942.042.475
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	303.824.307	920.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	954.886	1.982
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.676.737.866	(688.841.201)
	<b>4.425.991.974</b>	<b>1.173.203.256</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	682.563.280	116.101.379
Chi phí nhân công	2.599.072.497	3.566.972.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.906.346	33.301.754
Thuế, phí, lệ phí	155.110.991	50.093.597
Chi phí dự phòng	1.142.906.267	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	496.906.357	968.402.943
Chi phí khác bằng tiền	779.211.407	646.258.798
	<b>6.032.677.145</b>	<b>5.381.131.024</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu từ phạt vi phạm lao động xuất cảnh	1.556.954	39.250.870
Các khoản nợ không xác định được chủ	33.200.000	873.244.695
Thu nhập khác	23.261.636	25.034.091
	<b>58.018.590</b>	<b>937.529.656</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí đầu tư dự án đã dừng hoạt động	44.913.091	-
Phạt chậm nộp tiền sử dụng đất dự án đầu tư	-	730.069.860
Lãi chậm nộp bảo hiểm	-	183.487.329
Thuế TNDN bị truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	352.953.507	-
Chi phí khác	10.000.000	-
	<b>407.866.598</b>	<b>913.557.189</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
<b><i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i></b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.122.270.068	2.519.051.389
Các khoản điều chỉnh tăng	3.102.705.799	913.557.189
- Chi phí không hợp lệ	-	913.557.189
- Giá vốn của hoạt động xuất khẩu lao động đã tính vào kết quả kinh doanh năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế	3.102.705.799	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.552.762.619)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(780.000.000)	-
- Doanh thu của hoạt động xuất khẩu lao động đã tính vào kết quả kinh doanh năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế	(3.772.762.619)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	5.672.213.248	3.432.608.578
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>1.247.886.915</b>	<b>755.173.888</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp kỳ này	352.953.507	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	602.687.988	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(27.705.930)	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>2.175.822.480</b>	<b>755.173.888</b>
<b><i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i></b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	1.382.445.334
Thu nhập tính thuế TNDN	-	1.382.445.334
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>-</b>	<b>304.137.973</b>
Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD bất động sản	-	(114.455.273)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản</b>	<b>-</b>	<b>189.682.700</b>
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>2.175.822.480</b>	<b>944.856.588</b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.393.384.214	1.543.223.056
Chi phí nhân công	8.218.860.563	9.890.938.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	992.760.924	1.045.922.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.678.386.471	3.762.258.445
Chi phí khác bằng tiền	2.099.968.176	1.245.417.089
	<b>17.383.360.348</b>	<b>17.487.759.727</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.467.600.011	-	4.414.085.007	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.754.387.353	(2.530.954.222)	20.479.208.346	(1.603.967.928)
Các khoản cho vay	19.850.136.196	(280.000.000)	8.485.230.611	(3.358.900.415)
Đầu tư dài hạn	20.745.000.000	(10.512.127.249)	20.745.000.000	(7.886.656.292)
	<b>67.817.123.560</b>	<b>(13.323.081.471)</b>	<b>54.123.523.964</b>	<b>(12.849.524.635)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	40.545.581.000	33.057.437.199
Phải trả người bán, phải trả khác	96.537.759.238	89.844.483.797
Chi phí phải trả	268.939.661	1.643.875.256
	<b>137.352.279.899</b>	<b>124.545.796.252</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.467.600.011	-	-	5.467.600.011
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.591.346.141	2.632.086.990	-	19.223.433.131
Các khoản cho vay	19.570.136.196	-	-	19.570.136.196
Đầu tư dài hạn	-	10.232.872.751	-	10.232.872.751
	<b>41.629.082.348</b>	<b>12.864.959.741</b>	<b>-</b>	<b>54.494.042.089</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.414.085.007	-	-	4.414.085.007
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.243.178.028	2.632.062.390	-	18.875.240.418
Các khoản cho vay	5.126.330.196	-	-	5.126.330.196
Đầu tư dài hạn	-	12.858.343.708	-	12.858.343.708
	<b>25.783.593.231</b>	<b>15.490.406.098</b>	<b>-</b>	<b>41.273.999.329</b>

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2015</b>				
Vay và nợ	23.356.128.200	17.189.452.800	-	40.545.581.000
Phải trả người bán, phải trả khác	39.958.237.355	56.579.521.883	-	96.537.759.238
Chi phí phải trả	268.939.661	-	-	268.939.661
	<b>63.583.305.216</b>	<b>73.768.974.683</b>	<b>-</b>	<b>137.352.279.899</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	14.881.088.200	18.176.348.999	-	33.057.437.199
Phải trả người bán, phải trả khác	34.099.452.383	55.745.031.414	-	89.844.483.797
Chi phí phải trả	1.643.875.256	-	-	1.643.875.256
	<b>50.624.415.839</b>	<b>73.921.380.413</b>	<b>-</b>	<b>124.545.796.252</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	20.937.652.000	650.000.000
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức lãi nhập gốc	682.820.300	831.896.100
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(14.132.328.499)	(3.835.505.500)

**35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2015 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà. Theo giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 60/GCN-UBCK ngày 18/08/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Công ty được phép chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu phát hành thêm dự kiến là 13.103.258 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Trong đó, số lượng cổ phần tăng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính cho các cổ đông hiện hữu là 4.367.752 cổ phiếu, số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 8.735.506 cổ phiếu, tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá là 131.032.580.000 đồng. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để đầu tư cho các dự án "Khai thác mỏ Mông Sơn VII và xây dựng nhà máy nghiền bột đá hoa trắng tại Yên Bái"; dự án "Đầu tư, khai thác và chế biến đá marble mỏ Nayputaung - Rakhine - Myanmar và bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời gian thực hiện dự kiến của công tác phát hành là quý 3/2015.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

---

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	13.895.973.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam Thụy Điển	Công ty liên kết	5.006.330.196	8.085.230.611
Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	Công ty liên kết	947.833.000	400.000.000
<b>Phải thu tiền lãi cho vay</b>			
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	315.748.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	-	38.850.240
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	Công ty con	613.352.891	159.785.871

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm</u>	<u>6 tháng đầu năm</u>
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	437.699.300	656.813.180

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội soát xét.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>89.524.950.722</b>	<b>89.524.950.722</b>	-	<b>88.342.945.722</b>	<b>88.342.945.722</b>	-
- Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	89.524.950.722	89.524.950.722	-	88.342.945.722	88.342.945.722	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>68.870.000.000</b>	<b>50.245.704.827</b>	<b>(18.624.295.173)</b>	<b>75.527.688.166</b>	<b>56.954.659.902</b>	<b>(18.573.028.264)</b>
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	26.000.000.000	26.000.000.000	-	26.000.000.000	26.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ thông tin Sông Đà	2.900.000.000	2.495.704.827	(404.295.173)	2.900.000.000	2.900.000.000	-
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện	23.970.000.000	5.750.000.000	(18.220.000.000)	23.970.000.000	5.750.000.000	(18.220.000.000)
<i>Vốn góp của Công ty</i>	<i>18.220.000.000</i>	-	<i>(18.220.000.000)</i>	<i>18.220.000.000</i>	-	<i>(18.220.000.000)</i>
<i>Nhận ủy thác của Cán bộ CNV</i>	<i>5.750.000.000</i>	<i>5.750.000.000</i>	-	<i>5.750.000.000</i>	<i>5.750.000.000</i>	-
- Công ty Cổ phần khoáng sản SIMCO - FANSIPAN	16.000.000.000	16.000.000.000	-	16.000.000.000	16.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	-	-	-	5.766.843.859	5.413.815.595	(353.028.264)
- Công ty Cổ phần Xuất khẩu may Sông Đà	-	-	-	890.844.307	890.844.307	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>20.745.000.000</b>	<b>10.232.872.751</b>	<b>(10.512.127.249)</b>	<b>20.745.000.000</b>	<b>12.858.343.708</b>	<b>(7.886.656.292)</b>
- Ủy thác đầu tư - Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	-	(3.300.000.000)	3.300.000.000	-	(3.300.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Vĩnh Sơn	2.100.000.000	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000	-
- Ủy thác đầu tư - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	1.100.000.000	-	(1.100.000.000)	1.100.000.000	1.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	500.000.000	435.672.751	(64.327.249)	500.000.000	449.193.708	(50.806.292)
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	13.745.000.000	7.697.200.000	(6.047.800.000)	13.745.000.000	9.209.150.000	(4.535.850.000)
	<b>179.139.950.722</b>	<b>150.003.528.300</b>	<b>(29.136.422.422)</b>	<b>184.615.633.888</b>	<b>158.155.949.332</b>	<b>(26.459.684.556)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>14.092.719.417</b>	<b>(550.000.000)</b>	<b>12.568.420.667</b>	<b>(38.850.240)</b>
- Phải thu tiền ứng mua quyền khai thác mỏ - Công ty TNHH xây dựng & TM FANSIPAN	9.182.195.000	-	8.500.000.000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần hữu hạn Myanmar - SIMCO Sông Đà	613.352.891	-	159.785.871	-
- Phải thu Công ty Đầu tư và Phát triển Bắc Hà	550.000.000	(550.000.000)	550.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	439.275.539	-	77.850.240	(38.850.240)
- Tạm ứng	2.313.202.851	-	1.316.640.569	-
- Phải thu khác	994.693.136	-	1.964.143.987	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.632.086.990</b>	<b>-</b>	<b>2.632.062.390</b>	<b>-</b>
- Ký cược, ký quỹ	2.632.086.990	-	2.632.062.390	-
	<b>16.724.806.407</b>	<b>(550.000.000)</b>	<b>15.200.483.057</b>	<b>(38.850.240)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	56.150.327.605	1.538.386.679	3.844.390.592	223.738.551	305.826.000	62.062.669.427
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56.150.327.605</b>	<b>1.538.386.679</b>	<b>3.844.390.592</b>	<b>223.738.551</b>	<b>305.826.000</b>	<b>62.062.669.427</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	12.548.864.871	1.460.337.391	3.331.338.808	223.738.551	117.870.456	17.682.150.077
- Khấu hao trong kỳ	910.207.860	15.894.948	52.651.128	-	19.114.128	997.868.064
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.459.072.731</b>	<b>1.476.232.339</b>	<b>3.383.989.936</b>	<b>223.738.551</b>	<b>136.984.584</b>	<b>18.680.018.141</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	43.601.462.734	78.049.288	513.051.784	-	187.955.544	44.380.519.350
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>42.691.254.874</b>	<b>62.154.340</b>	<b>460.400.656</b>	<b>-</b>	<b>168.841.416</b>	<b>43.382.651.286</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.515.116.739 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Hợp Lực	1.724.640.028	1.724.640.028	1.724.640.028	1.724.640.028
- Công ty Cổ phần Xây dựng nhà ở Hải Phòng	1.286.324.216	1.286.324.216	433.825.772	433.825.772
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Thái Tuấn	-	-	35.132.600	35.132.600
- Phải trả các đối tượng khác	3.209.356.630	3.209.356.630	4.107.679.516	4.107.679.516
	<b>6.220.320.874</b>	<b>6.220.320.874</b>	<b>6.301.277.916</b>	<b>6.301.277.916</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	368.338.425	332.746.808	-	35.591.617
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	602.687.988	1.600.840.422	27.705.930	-	2.175.822.480
Thuế Thu nhập cá nhân	457.571	11.000.134	258.727.641	224.887.641	457.571	44.840.134
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	259.403.430	257.705.559	114.626.559	-	402.482.430
Các loại thuế khác	-	-	552.260.425	6.000.000	-	546.260.425
	<b>457.571</b>	<b>873.091.552</b>	<b>3.037.872.472</b>	<b>705.966.938</b>	<b>457.571</b>	<b>3.204.997.086</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>14.881.088.200</b>	<b>14.881.088.200</b>	<b>19.279.612.000</b>	<b>10.804.572.000</b>	<b>23.356.128.200</b>	<b>23.356.128.200</b>
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển - Chi nhánh Hà Tây <sup>(1)</sup>	530.231.000	530.231.000	3.378.104.000	1.425.936.000	2.482.399.000	2.482.399.000
- Vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	6.174.100.000	6.174.100.000	-	6.174.100.000	-	-
- Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân <sup>(2)</sup>	8.176.757.200	8.176.757.200	14.401.508.000	1.704.536.000	20.873.729.200	20.873.729.200
<b>b) Vay dài hạn cá nhân</b>	<b>18.176.348.999</b>	<b>18.176.348.999</b>	<b>2.340.860.300</b>	<b>3.327.756.499</b>	<b>17.189.452.800</b>	<b>17.189.452.800</b>
- Kỳ hạn 36 tháng <sup>(3)</sup>	18.176.348.999	18.176.348.999	2.340.860.300	3.327.756.499	17.189.452.800	17.189.452.800
	<b>33.057.437.199</b>	<b>33.057.437.199</b>	<b>21.620.472.300</b>	<b>14.132.328.499</b>	<b>40.545.581.000</b>	<b>40.545.581.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số

+ Hạn mức tín dụng: 3 tỷ đồng;

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

+ Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016;

+ Lãi suất cho vay: được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

+ Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng bất kỳ biện pháp bảo đảm sau: thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh của bên thứ ba, toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

(2) Là các khoản vay ngắn hạn các cá nhân có kỳ hạn từ 01 tháng đến 06 tháng với lãi suất từ 6,75%/năm - 12%/năm.

(3) Là các khoản vay dài hạn các cá nhân theo Hợp đồng nhận tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng với lãi suất bằng huy động tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại thời điểm gửi. Tiền lãi được trả 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của tháng thứ 6. Khi đến hạn trả lãi, sau 7 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 6 bên cho vay không đến nhận lãi thì Công ty sẽ nhập lãi vào gốc để tính cho kỳ hạn tiếp theo.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>131.034.260.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>44.771.916.959</b>	<b>18.423.806.102</b>	<b>194.228.301.061</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	2.842.184.862	2.842.184.862
Phân phối lợi nhuận	-	-	132.246.848	(18.170.131.962)	(18.037.885.114)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>131.034.260.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>44.904.163.807</b>	<b>3.095.859.002</b>	<b>179.032.600.809</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>131.034.260.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>44.904.163.807</b>	<b>2.790.728.667</b>	<b>178.727.470.474</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	5.874.383.153	5.874.383.153
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>131.034.260.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>44.904.163.807</b>	<b>8.665.111.820</b>	<b>184.601.853.627</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
- Tổng Công ty Sông Đà	-	0,00%	66.830.400.000	51,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	10.030.400.000	7,65%	-	0,00%
- Các cổ đông khác	121.002.180.000	92,35%	64.202.180.000	49,00%
- Cổ phiếu quỹ	1.680.000	0,00%	1.680.000	0,00%
	<b>131.034.260.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>131.034.260.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Kinh doanh dịch vụ xuất khẩu lao động	Kinh doanh nhà và hạ tầng xây lắp	Kinh doanh dịch vụ khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	29.516.185.209	3.658.758.382	2.733.706.609	35.908.650.200	-	35.908.650.200
Chi phí bộ phận trực tiếp	14.646.280.697	3.531.139.937	1.506.449.619	19.683.870.253	-	19.683.870.253
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.869.904.512</b>	<b>127.618.445</b>	<b>1.227.256.990</b>	<b>16.224.779.947</b>	<b>-</b>	<b>16.224.779.947</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.144.586.990	85.387.026.811	11.379.608.147	99.911.221.948	-	99.911.221.948
Tài sản không phân bổ	-	-	-	229.079.122.288	-	229.079.122.288
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.144.586.990</b>	<b>85.387.026.811</b>	<b>11.379.608.147</b>	<b>328.990.344.236</b>	<b>-</b>	<b>328.990.344.236</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	13.268.679.977	1.170.532.564	18.999.487.697	33.438.700.238	-	33.438.700.238
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	110.175.139.377	-	110.175.139.377
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.268.679.977</b>	<b>1.170.532.564</b>	<b>18.999.487.697</b>	<b>143.613.839.615</b>	<b>-</b>	<b>143.613.839.615</b>

**Theo khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này

**Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014****Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

<b>Mã số</b>	<b>Tên khoản mục</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên khoản mục</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	8.485.230.611	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8.485.230.611	(8.485.230.611)
135	5. Các khoản phải thu khác	11.251.780.098	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	12.568.420.667	1.316.640.569
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	1.316.640.569	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(1.316.640.569)
141	1. Hàng tồn kho	88.709.009.562	141	1. Hàng tồn kho	12.806.897.121	(75.902.112.441)
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài	75.902.112.441	75.902.112.441
268	3. Tài sản dài hạn khác	2.632.062.390	216	6. Phải thu dài hạn khác	2.632.062.390	2.632.062.390
131	1. Phải thu khách hàng	5.278.725.289	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(2.632.062.390)
132	2. Trả trước cho người bán	5.825.470.450	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.278.725.289	-
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.962.868.343)	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.825.470.450	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	457.571	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.962.868.343)	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	75.527.688.166	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	457.571	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	20.745.000.000	252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	75.527.688.166	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(26.459.684.556)	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.745.000.000	-
			254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	(26.459.684.556)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Chênh lệch
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16.501.211.431	16.501.211.431
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	16.501.211.431	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	(16.501.211.431)
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14.881.088.200	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.881.088.200	-
312	2. Phải trả người bán	6.301.277.916	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	6.301.277.916	-
313	3. Người mua trả tiền trước	4.397.293.993	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	4.397.293.993	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	873.091.552	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	873.091.552	-
315	5. Phải trả người lao động	3.656.347.478	314	5. Phải trả người lao động	3.656.347.478	-
316	6. Chi phí phải trả	1.643.875.256	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	1.643.875.256	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	250.406.572	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	250.406.572	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	55.745.031.414	337	6. Phải trả dài hạn khác	55.745.031.414	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	18.176.348.999	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18.176.348.999	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131.034.260.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	131.034.260.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	131.034.260.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	31.892.305.811	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	44.904.163.807	13.011.857.996
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	13.011.857.996				(13.011.857.996)
414	4. Cổ phiếu quỹ	(1.682.000)	415	5. Cổ phiếu quỹ	(1.682.000)	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.790.728.667	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.790.728.667	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	(41.390.874)	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	2.832.119.541	-
432	1. Nguồn kinh phí	180.000	431	1. Nguồn kinh phí	180.000	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	23.300.243	432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	23.300.243	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Tòa nhà SIMCO Sông Đà, tiểu khu ĐTM Vạn Phúc,  
phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này

<b>Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014</b>			<b>Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC</b>			<b>Chênh lệch</b>
<b>Mã số</b>	<b>Tên khoản mục</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Mã số</b>	<b>Tên khoản mục</b>	<b>Số tiền</b>	
<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			<b>BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.381.131.024	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.381.131.024	-
<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>			<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>			
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(213.318.223)	05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(213.318.223)	-
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	650.000.000	33	1. Tiền thu từ đi vay	650.000.000	-

**Phạm Thị Đà Giang**

Người lập

**Phạm Thị Hiếu**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Khắc Kim**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2015